

Số: 850 /QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 5 tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố đáp án cuộc thi viết
“Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”

BAN TỔ CHỨC CUỘC THI

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 251/QĐ-TTg ngày 13 tháng 02 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch của Chính phủ tổ chức triển khai thi hành Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2157/QĐ-BTP ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch của Bộ Tư pháp tổ chức cuộc thi viết “Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”;

Căn cứ Quyết định số 2768/QĐ-BTP ngày 20 tháng 10 năm 2014 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2157/QĐ-BTP ngày 22/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch của Bộ Tư pháp tổ chức cuộc thi viết “Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”;

Căn cứ Quyết định số 2159/QĐ-BTP ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc thành lập Ban Tổ chức và Tổ Thư ký giúp việc Ban Tổ chức cuộc thi viết “Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố đáp án cuộc thi viết “Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các thành viên Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ Thư ký giúp việc Ban Tổ chức, Ban Giám khảo cuộc thi của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ban Tổ chức cuộc thi của Trung ương; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- PTTg CP Nguyễn Xuân Phúc (để b/c);
- Bộ trưởng Hà Hùng Cường (để b/c);
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; Bộ Ngoại giao (để biết);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để biết);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, Vụ PBGDPL.

**TM. BAN TỔ CHỨC CUỘC THI
TRƯỞNG BAN**



**THỨ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP
Nguyễn Thúc Hiến**

ĐÁP ÁN

Cuộc thi viết “Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”

(Ban hành kèm theo Quyết định số 850 /QĐ-BTC ngày 5 tháng 5 năm
2015 của Ban Tổ chức cuộc thi viết “Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội
chủ nghĩa Việt Nam” của Trung ương)

I. ĐIỂM NỘI DUNG TRẢ LỜI 09 CÂU HỎI (90 ĐIỂM)

Câu 1: Từ năm 1945 khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) đến nay, nước ta có mấy bản Hiến pháp? Các bản Hiến pháp đó được Quốc hội thông qua vào ngày, tháng, năm nào ? (5,0 điểm)

Trả lời

1. Nêu được 05 bản Hiến pháp (2,5 điểm), cụ thể là:

- Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa năm 1946 (0,5 điểm);
- Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa năm 1959 (0,5 điểm);
- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1980 (0,5 điểm);
- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) (0,5 điểm);
- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (0,5 điểm).

2. Nêu được ngày, tháng, năm thông qua các bản Hiến pháp (2,5 điểm), cụ thể như sau:

- Hiến pháp nước Việt Nam dân chủ cộng hòa năm 1946 được thông qua ngày 09 tháng 11 năm 1946 (0,5 điểm); x

- Hiến pháp nước Việt Nam dân chủ cộng hòa năm 1959 được thông qua ngày 31 tháng 12 năm 1959 (0,5 điểm);

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1980 được thông qua ngày 18 tháng 12 năm 1980 (0,5 điểm);

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) được thông qua ngày 15 tháng 4 năm 1992 và được sửa đổi, bổ sung ngày 25 tháng 12 năm 2001 theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 (0,5 điểm);

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 được thông qua ngày 28 tháng 11 năm 2013 (0,5 điểm).

(Lưu ý: Trùng hợp bài dự thi chỉ nêu tên các bản Hiến pháp là Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp năm 1980, Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) và Hiến pháp năm 2013 thì vẫn tính điểm như trên).

Câu 2: Bản Hiến pháp mới được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 28/11/2013 (Hiến pháp năm 2013) có hiệu lực từ ngày, tháng, năm nào? So với Hiến pháp năm 1992 (được sửa đổi, bổ sung năm 2001) có bao nhiêu điều được giữ nguyên? Có bao nhiêu điều được sửa đổi, bổ sung? Điều sửa đổi, bổ sung nào bạn tâm đắc nhất? Vì sao? (10 điểm)

Trả lời

1. Nêu được ngày, tháng, năm có hiệu lực của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013: Ngày 01 tháng 01 năm 2014 (1,0 điểm);

2. Nêu được 02 điều giữ nguyên bao gồm: Điều 86, 91 (1,0 điểm).

3. Nêu được 106 Điều sửa đổi, bổ sung và 12 Điều bổ sung mới (5,0 điểm), cụ thể như sau:

- Nêu được 106 Điều sửa đổi bổ sung, bao gồm các Điều 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77, 79, 80, 81, 82, 83, 84, 85, 87, 88, 89, 90, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107, 108, 109, 110, 113, 114, 115, 116, 119, 120 (4,0 điểm);

- Nêu được 12 Điều bổ sung mới, bao gồm các Điều 19, 34, 41, 42, 43, 55, 63, 78, 111, 112, 117, 118 (1,0 điểm).

4. Nêu được Điều sửa đổi, bổ sung tâm đắc nhất và giải thích lý do vì sao lựa chọn (3,0 điểm), cụ thể như sau:

- Nêu được Điều sửa đổi, bổ sung tâm đắc nhất (Điều mới tâm đắc này phải là một trong các điều sửa đổi, bổ sung quan trọng của Hiến pháp năm 2013) (0,5 điểm);

- Nêu được lý do vì sao lựa chọn đó là điều tâm đắc nhất, bao gồm về tinh thần, nội dung, ý nghĩa của Điều luật đó (2,5 điểm).

Câu 3: Điều 2 Hiến pháp năm 2013 khẳng định “Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân...”. Bạn hãy nêu và phân tích ngắn gọn các quy định của Hiến pháp năm 2013 về những cách thức để Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước (12 điểm).

Trả lời

1. Nêu được quy định của Hiến pháp năm 2013 về cách thức Nhân dân thực hiện quyền lực Nhà nước tại Điều 6: “Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và thông qua các cơ quan khác của Nhà nước” (1,0 điểm).

2. Nêu và phân tích được các hình thức Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp (6,0 điểm), cụ thể như sau:

- Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng việc thực hiện các quyền tự do, dân chủ được quy định trong Hiến pháp (4,5 điểm), bao gồm:

+ Thực hiện quyền bầu cử, bãi nhiệm; quyền ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Khoản 2 Điều 7 và Điều 27 của Hiến pháp năm 2013 (1,0 điểm);

+ Thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước của công dân quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Hiến pháp năm 2013 (1,0 điểm);

+ Thực hiện quyền biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân quy định tại Điều 29 của Hiến pháp năm 2013 (0,5 điểm);

+ Thực hiện quyền tham gia xây dựng, thi hành và bảo vệ Hiến pháp quy định tại Lời nói đầu, Khoản 3 và 4 Điều 120 của Hiến pháp năm 2013 (0,5 điểm);

+ Thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo; quyền giám sát đối với cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức quy định tại Khoản 1 Điều 30 và Khoản 2 Điều 8 của Hiến pháp năm 2013 (1,0 điểm);


+ Thực hiện quyền làm việc trong các cơ quan Nhà nước quy định tại Khoản 1 Điều 35 của Hiến pháp năm 2013 (0,5 điểm).

- Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội khác do Nhân dân lập ra, bao gồm: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Công đoàn Việt Nam, Hội nông dân Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội cựu chiến binh Việt Nam và các tổ chức xã hội khác do Nhân dân lập ra. Khi các tổ chức này thực hiện chức năng đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân; Quyền trình dự án luật, dự án pháp lệnh; phối hợp với Chính phủ, chính quyền địa phương trong thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn có liên quan; tham dự phiên họp của Chính phủ, các kỳ họp Hội đồng nhân dân và được mời tham dự hội nghị Ủy ban nhân dân khi bàn vấn đề có liên quan quy định tại Điều 9, Khoản 1 Điều 84, Khoản 8 Điều 96, Điều 101, Khoản 1 và 2 Điều 116 của Hiến pháp năm 2013 (1,5 điểm).

3. Nêu và phân tích được các hình thức Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ đại diện (5,0 điểm), cụ thể như sau:

- Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân (3,0 điểm), bao gồm:

+ Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước thông qua Quốc hội và đại biểu Quốc hội quy định tại Điều 69, Điều 70, Điều 74, Khoản 2 Điều 75 và Khoản 2 Điều 76, Khoản 1 Điều 77, Điều 79, Điều 80, Điều 82, Khoản 2 Điều 84 của Hiến pháp năm 2013 (1,5 điểm);

+ Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước thông qua Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại các Điều 113, Điều 115 của Hiến pháp năm 2013 (1,5 điểm). 

- Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước thông qua các cơ quan khác của Nhà nước (2,0 điểm), bao gồm:

+ Nêu được quan điểm mới: Các cơ quan nhà nước (lập pháp, hành pháp, tư pháp) và chính quyền địa phương, các cơ quan Hiến định đều là cơ quan thực hiện quyền lực nhà nước do Nhân dân giao cho (0,5 điểm);

+ Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước thông qua các thiết chế Hiến định như: Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Chính quyền địa phương, Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước và các cơ quan nhà nước khác (1,0 điểm);

+ Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước thông qua đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước và các cơ quan, tổ chức khác được giao thực thi quyền lực nhà nước (0,5 điểm).

Câu 4: Những quy định nào của Hiến pháp năm 2013 thể hiện tư tưởng đại đoàn kết dân tộc? (10 điểm).

Trả lời

1. Nêu được nguồn gốc, nền tảng của tư tưởng đại đoàn kết dân tộc thể hiện trong Hiến pháp năm 2013 (2,5 điểm), cụ thể như sau:

- Đoàn kết là truyền thống của dân tộc Việt Nam, đồng thời cũng là bộ phận cấu thành của nền văn hiến Việt Nam thể hiện trong Lời nói đầu của Hiến pháp năm 2013 (0,5 điểm);

- Đoàn kết thể hiện trong tư tưởng về chủ quyền nhân dân quy định tại Khoản 2 Điều 2 Hiến pháp năm 2013 (1,0 điểm);

- Đoàn kết thể hiện trong tư tưởng về chính sách bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 4 Điều 5 Hiến pháp năm 2013 (1,0 điểm).

2. Nêu được tư tưởng về sự bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, không phân biệt đối xử giữa các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, giới tính, độ tuổi, tín ngưỡng, tôn giáo, người Việt Nam ở nước ngoài trong sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc cùng nhau xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (6,0 điểm), cụ thể như sau:

- Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc trong quy định về các giai cấp, tầng lớp, thành phần trong xã hội không phân biệt đều bình đẳng, có vị trí xứng đáng trong Hiến pháp như: công nhân, nông dân, đội ngũ trí thức, doanh nhân, doanh

nghiệp, Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác, các thành phần kinh tế (1,0 điểm);

- Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc trong quy định về chính sách đối với các tôn giáo: Các tôn giáo không phân biệt đều bình đẳng trước pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 24 của Hiến pháp năm 2013 (1,0 điểm);

- Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc trong quy định về giới: Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt, bình đẳng giới, tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện quy định tại Điều 26 của Hiến pháp năm 2013 (1,0 điểm);

- Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc trong quy định về chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài quy định tại Điều 18 của Hiến pháp năm 2013 (1,0 điểm);

- Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc trong quy định về chính sách đối với các nhóm đối tượng cụ thể trong xã hội như: trẻ em, thanh niên, người cao tuổi, người có công với nước, người khuyết tật, người nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn khác quy định tại Điều 37, Khoản 2 Điều 58, Khoản 2 Điều 59 của Hiến pháp năm 2013 (1,0 điểm);

- Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc trong quy định về chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào ở miền núi, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại Khoản 1 Điều 58, Khoản 3 Điều 61 của Hiến pháp năm 2013 (1,0 điểm).

3. Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc thể hiện qua quy định về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận (1,5 điểm), cụ thể như sau:

- Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc trong quy định về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quy định tại Khoản 1 Điều 9 của Hiến pháp năm 2013 (0,5 điểm);

- Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc trong quy định về vị trí, vai trò của Hội nông dân Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội cựu chiến binh Việt Nam và các tổ chức thành viên khác của Mặt trận quy định tại Khoản 2 Điều 9 của Hiến pháp năm 2013 (0,5 điểm);

- Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc trong quy định về Công đoàn quy định tại Điều 10 của Hiến pháp năm 2013 (0,5 điểm).

Câu 5: Những điểm mới của Hiến pháp năm 2013 so với Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân? Điểm mới nào bạn tâm đắc nhất? Vì sao? (15 điểm)

Trả lời

1. Nêu được những điểm mới của Hiến pháp năm 2013 so với Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân (12 điểm), cụ thể như sau:

- Nêu được sự thay đổi trong tên gọi, vị trí của chương, số lượng điều khoản, cách thiết kế các điều khoản và nhận thức về quyền con người trong Hiến pháp năm 2013 (3,0 điểm), bao gồm:

+ Bổ sung “Quyền con người” vào tên chương (0,5 điểm);

+ Đưa từ vị trí chương V của Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) lên vị trí chương II, đặt trang trọng sau chương I của Hiến pháp năm 2013, chuyển các quy định về quyền con người, quyền công dân tại các chương khác của Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) về chương này; là chương có số lượng điều nhiều nhất so với các chương khác của Hiến pháp năm 2013 (1,0 điểm);

+ Sắp xếp các điều khoản theo các nhóm quyền để bảo đảm tính thống nhất giữa quyền con người và quyền công dân, bảo đảm tính khả thi hơn (0,5 điểm);

+ Tách bạch và phân định rõ quyền con người với quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Hiến pháp năm 2013 đã sử dụng từ “mọi người” và từ “không ai” khi thể hiện quyền con người và dùng từ “công dân” khi quy định về quyền công dân; khẳng định giá trị, vai trò quan trọng của quyền con người, quyền cơ bản của công dân trong Hiến pháp; thể hiện quan điểm, nhận thức và quyết tâm của Việt Nam trong thực hiện cam kết tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ và thúc đẩy quyền con người (1,0 điểm).

- Nêu được trách nhiệm của Nhà nước, nhận thức, tư duy mới, các nguyên tắc về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân (1,5 điểm), bao gồm:

+ Đề cao trách nhiệm của Nhà nước trong công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân quy định tại Điều 3 Hiến pháp năm 2013 (0,5 điểm); x

+ Thể hiện nhận thức và tư duy mới trong việc ghi nhận quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp năm 2013; bổ sung nguyên tắc hạn chế quyền phù hợp với các công ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên quy định tại Điều 14 Hiến pháp năm 2013 (0,5 điểm);

+ Khẳng định và quy định rõ hơn các nguyên tắc về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo hướng quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân quy định tại Điều 15 Hiến pháp năm 2013 (0,5 điểm).

- Bổ sung một số quyền mới là thành tựu của gần 30 năm đổi mới, thể hiện rõ hơn trách nhiệm của Nhà nước trong bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền công dân như: Quyền sống (Điều 19); Quyền hiến mô, bộ phận cơ thể người và hiến xác (Điều 20); Quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư (Điều 21); Quyền được bảo đảm an sinh xã hội (Điều 34); Quyền kết hôn, ly hôn (Điều 36); Quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hoá, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa (Điều 41); Quyền xác định dân tộc của mình, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp (Điều 42); Quyền được sống trong môi trường trong lành (Điều 43) (3,5 điểm).

- Sửa đổi, bổ sung nhiều điều quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân như: Mở rộng chủ thể có quyền bình đẳng, không bị phân biệt, đối xử về mọi mặt thành quyền của mọi người; nghĩa vụ tôn trọng quyền của người khác thành nghĩa vụ của mọi người (Điều 15; Điều 16); khẳng định trách nhiệm của Nhà nước trước công dân của mình (Điều 17); khẳng định mọi người đều được hưởng quyền bất khả xâm phạm về thân thể (Điều 20); quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình (Khoản 1, Điều 21); bóc tách riêng quyền có nơi ở; ghi nhận quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở (Điều 22); Quyền tự do đi lại và cư trú, ra nước ngoài và từ nước ngoài trở về (Điều 23); Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo hoặc không theo tôn giáo (Điều 24); Quyền khiếu nại, tố cáo (Điều 30); sửa đổi về chủ thể trong nghĩa vụ nộp thuế, theo đó mọi người có nghĩa vụ nộp thuế theo luật định (chứ không chỉ là công dân Việt Nam) (Điều 47) (4,0 điểm).

2. Nêu được điểm mới tâm đắc nhất và giải thích rõ lý do vì sao lựa chọn (3,0 điểm), cụ thể như sau:

- Nêu được điểm mới tâm đắc nhất (điểm mới tâm đắc này phải là một trong các điều sửa đổi, bổ sung quan trọng của Hiến pháp năm 2013) (0,5 điểm); x

- Nêu được lý do vì sao lựa chọn đó là điều tâm đắc nhất, bao gồm tinh thần, nội dung, ý nghĩa của điểm mới tâm đắc nhất đó (2,5 điểm).

Câu 6: Những điểm mới, quan trọng về vị trí, chức năng của Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân trong Hiến pháp năm 2013. Phân tích điểm mới về mối quan hệ giữa các cơ quan đó trong thực hiện quyền lực Nhà nước? (12 điểm).

Trả lời

1. Nêu được những điểm mới, quan trọng về vị trí, chức năng của Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân trong Hiến pháp năm 2013 (6,0 điểm), cụ thể như sau:


- Nêu được những điểm mới, quan trọng về vị trí, chức năng của Quốc hội theo Điều 69 của Hiến pháp năm 2013 so với Điều 83 của Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) (2,0 điểm), bao gồm:

+ Chức năng của Quốc hội được quy định khái quát hơn, bao gồm thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước (1,0 điểm);

+ Tách quyền lập hiến khỏi quyền lập pháp, coi đây là hai quyền độc lập; thu hẹp phạm vi thẩm quyền của Quốc hội trong thực hiện quyền lập hiến, lập pháp (bỏ cụm từ là cơ quan duy nhất) (0,5 điểm);

+ Điều chỉnh một số nội dung liên quan đến chức năng của Quốc hội: Hiến pháp thay quy định mang tính liệt kê “Quốc hội quyết định những chính sách cơ bản về đối nội và đối ngoại, nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước, những nguyên tắc chủ yếu về tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước, về quan hệ xã hội và hoạt động của công dân” tại Điều 83 của Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) bằng quy định khái quát: “Quốc hội quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước”; thu hẹp phạm vi giám sát tối cao của Quốc hội - thay cụm từ “giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của nhà nước” trong Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) thành “giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước” (0,5 điểm).

- Nêu được những điểm mới, quan trọng về vị trí, chức năng của Chính phủ theo Điều 94 của Hiến pháp năm 2013 so với Điều 109 của Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) (2,0 điểm), bao gồm:

+ Bổ sung chức năng “Chính phủ thực hiện quyền hành pháp” (01 điểm); 

+ Đòi vị trí của Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam lên trên vị trí là cơ quan chấp hành của Quốc hội (0,5 điểm);

+ Không quy định nội dung có tính liệt kê các nhiệm vụ gắn với chức năng của Chính phủ như Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001): “Chính phủ thống nhất quản lý việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Nhà nước; bảo đảm hiệu lực của bộ máy Nhà nước từ trung ương đến cơ sở; bảo đảm việc tôn trọng và chấp hành Hiến pháp và pháp luật; phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm ổn định và nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân” (0,5 điểm).

- Nêu được những điểm mới, quan trọng về vị trí, chức năng của Tòa án nhân dân tại Điều 102 của Hiến pháp năm 2013 so với Điều 126 và Điều 127 của Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) (2,0 điểm), bao gồm:

+ Bổ sung chức năng “Tòa án nhân dân là cơ quan thực hiện quyền tư pháp” (1,0 điểm);

+ Quy định khái quát chức năng, nhiệm vụ của Tòa án nhân dân (0,5 điểm);

+ Bổ sung và đặt lên hàng đầu nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân của Tòa án nhân dân (0,5 điểm).

2. Phân tích điểm mới về mối quan hệ giữa Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân trong thực hiện quyền lực Nhà nước (6,0 điểm), cụ thể như sau:

- Xác định rõ cơ chế phân công giữa Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân trong thực hiện quyền lực nhà nước (2,0 điểm), bao gồm:

+ Nêu được Quốc hội thực hiện quyền lập pháp, Chính phủ thực hiện quyền hành pháp, Tòa án nhân dân thực hiện quyền tư pháp (1,0 điểm);

+ Khẳng định vị trí độc lập tương đối của Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân trong thực hiện quyền lực nhà nước; xác định rõ vị trí, chức năng, nhiệm vụ của Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân trong thực hiện quyền lực nhà nước (1,0 điểm).

- Quy định và làm rõ hơn cơ chế phối hợp giữa Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân trong thực hiện quyền lực nhà nước (2,0 điểm), bao gồm:

+ Quy định rõ, khả thi và phù hợp hơn thẩm quyền của Quốc hội trong việc quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế - xã hội của đất nước quy định tại Khoản 3 Điều 70 của Hiến pháp năm 2013 để xác định rõ hơn vai trò, trách nhiệm, quyền quyết định của Quốc hội và quyền quản lý, điều hành của Chính phủ; bổ sung thẩm quyền của Quốc hội trong quyết định mức giới hạn an toàn nợ quốc gia, nợ công, nợ chính phủ quy định tại Khoản 4 Điều 70 của Hiến pháp năm 2013 (1,0 điểm);

+ Bổ sung thẩm quyền của Quốc hội trong việc phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định tại Khoản 7 Điều 70 của Hiến pháp năm 2013 (0,5 điểm);

+ Bổ sung thẩm quyền của Chính phủ trong đề xuất, xây dựng chính sách trình Quốc hội quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan hành pháp quy định tại Điều 96 của Hiến pháp năm 2013 (0,5 điểm).

- Quy định về cơ chế kiểm soát quyền lực giữa Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp (2,0 điểm), bao gồm:

+ Bổ sung nguyên tắc kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp quy định tại Khoản 3 Điều 2 của Hiến pháp năm 2013 (0,5 điểm);

+ Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước trong đó có Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao (bao gồm giám sát việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội; xét báo cáo công tác của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao) quy định tại Điều 69 và Khoản 2 Điều 70 của Hiến pháp năm 2013 (0,5 điểm);

+ Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo công tác trước Quốc hội quy định tại Điều 94 và Khoản 2 Điều 105 (0,5 điểm);

+ Làm rõ các cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước với nhau (kiểm soát bên trong) và kiểm soát quyền lực từ phía nhân dân, kiểm soát quyền lực thông qua việc tăng cường năng lực của các thiết chế kiểm soát chuyên nghiệp (0,5 điểm).x

Câu 7: Cấp chính quyền địa phương quy định trong Hiến pháp năm 2013 gồm những cơ quan nào? Bạn hãy nêu nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của chính quyền địa phương đối với Nhân dân (5,0 điểm).

Trả lời

1. Chỉ rõ cấp chính quyền địa phương quy định trong Hiến pháp năm 2013 bao gồm Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quy định tại Khoản 2 Điều 111 của Hiến pháp năm 2013 (1,0 điểm);

2. Nêu được vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được quy định tại Điều 113 và Điều 114 của Hiến pháp năm 2013 (1,0 điểm).

3. Nêu được nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của chính quyền địa phương đối với Nhân dân (3,0 điểm), cụ thể như sau:

- Nêu được nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương được quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 112 của Hiến pháp năm 2013 (1,0 điểm);

- Nêu được trách nhiệm cụ thể của chính quyền địa phương đối với Nhân dân (2,0 điểm), bao gồm:

+ Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Nhà nước đối với Nhân dân được quy định tại các Điều 3 và Điều 8 Hiến pháp năm 2013 như: Bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ; phải tôn trọng Nhân dân, tận tụy phục vụ Nhân dân, liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của Nhân dân; kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền (1,0 điểm);

+ Thực hiện chế độ thông báo tình hình của địa phương; lắng nghe ý kiến, kiến nghị về xây dựng chính quyền và phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương; động viên Nhân dân cùng Nhà nước thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh ở địa phương được quy định tại Khoản 1 Điều 116 của Hiến pháp năm 2013 (1,0 điểm). x

Câu 8: Hiến pháp năm 2013 quy định như thế nào về trách nhiệm của đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân đối với cử tri và Nhân dân? (5,0 điểm)

Trả lời

1. Nêu được trách nhiệm của đại biểu Quốc hội đối với cử tri và Nhân dân theo quy định của Hiến pháp năm 2013 (3,0 điểm), cụ thể như sau:

- Nêu được nội dung quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 79 của Hiến pháp năm 2013 (2,0 điểm), bao gồm:

+ Liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri; thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng của cử tri với Quốc hội, các cơ quan, tổ chức hữu quan; thực hiện chế độ tiếp xúc và báo cáo với cử tri về hoạt động của đại biểu và của Quốc hội; trả lời yêu cầu và kiến nghị của cử tri; theo dõi, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và hướng dẫn, giúp đỡ việc thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo (1,5 điểm);

+ Phổ biến và vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật (0,5 điểm).

- Nêu được nội dung của Điều 80 Hiến pháp năm 2013 quy định về chất vấn Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước; thực hiện quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó (0,5 điểm);

- Nêu được nội dung của Điều 82 Hiến pháp năm 2013 quy định về việc thực hiện đầy đủ nhiệm vụ đại biểu, có quyền tham gia làm thành viên của Hội đồng dân tộc hoặc Ủy ban của Quốc hội (0,5 điểm).

2. Nêu được trách nhiệm của đại biểu Hội đồng nhân dân đối với cử tri và Nhân dân theo quy định tại Điều 115 của Hiến pháp năm 2013 (2,0 điểm), cụ thể như sau:

- Trách nhiệm đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân địa phương; liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri, thực hiện chế độ tiếp xúc, báo cáo với cử tri về hoạt động của mình và của Hội đồng nhân dân, trả lời những yêu cầu, kiến nghị của cử tri; xem xét, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo (1,0 điểm);

- Trách nhiệm vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật, chính sách của Nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân, động viên Nhân dân tham gia quản lý nhà nước (0,5 điểm);

- Chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các thành viên khác của Ủy ban nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân và Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân; kiến nghị với các cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị ở địa phương (0,5 điểm).

Câu 9: "... Nhân dân Việt Nam xây dựng, thi hành và bảo vệ Hiến pháp này vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" (trích Lời nói đầu Hiến pháp năm 2013). Theo bạn, Nhà nước và mỗi người dân có trách nhiệm làm gì và làm như thế nào để thi hành và bảo vệ Hiến pháp? (16 điểm)

Trả lời

1. Trách nhiệm của Nhà nước (6,0 điểm), cụ thể như sau:

- Tổ chức thi hành Hiến pháp năm 2013 (3,0 điểm), bao gồm:

+ Kịp thời ban hành các văn bản để hướng dẫn, triển khai thi hành Hiến pháp; rà soát, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các văn bản trái với Hiến pháp (1,0 điểm);

+ Điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan nhà nước phù hợp với quy định của Hiến pháp (1,0 điểm);

+ Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra để các cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, bảo đảm tuân thủ, chấp hành các quy định của Hiến pháp (1,0 điểm).

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng nội dung, tinh thần của Hiến pháp đến cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân nhằm nâng cao nhận thức về Hiến pháp và ý thức chấp hành Hiến pháp trong cán bộ, nhân dân (1,0 điểm).

- Tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp; gương mẫu tuân thủ Hiến pháp; thực hiện đúng đắn và đầy đủ trách nhiệm, quyền hạn và nhiệm vụ được giao trong Hiến pháp (1,0 điểm).

- Triển khai các biện pháp cần thiết nhằm đảm bảo thi hành Hiến pháp (bảo đảm các điều kiện cần thiết về nguồn nhân lực, kinh phí, cơ sở vật chất, phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm Hiến pháp; huy động các nguồn lực xã hội tham gia thi hành và bảo vệ Hiến pháp và pháp luật); xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện cơ chế bảo vệ Hiến pháp (1,0 điểm).

2. Trách nhiệm của mỗi người dân (6,0 điểm), cụ thể như sau:

- Chủ động học tập, tìm hiểu; nhận thức đầy đủ nội dung, tinh thần của Hiến pháp để nâng cao ý thức, xây dựng tình cảm tôn trọng, chấp hành Hiến pháp (2,0 điểm);

- Thực hiện nghiêm chỉnh và tuân theo Hiến pháp, bảo vệ Hiến pháp khỏi mọi hành vi vi phạm (1,0 điểm);

- Hiểu biết đầy đủ các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; vận dụng nội dung, tinh thần của Hiến pháp để thực hiện và bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình (2,0 điểm);

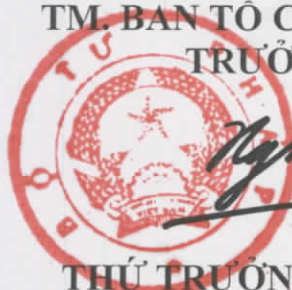
- Tham gia giám sát cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức, tổ chức, cá nhân trong việc tuân theo Hiến pháp, góp phần bảo vệ Hiến pháp (1,0 điểm);

3. Liên hệ với bản thân trong việc thi hành, bảo vệ Hiến pháp (4,0 điểm).

II. ĐIỂM HÌNH THỨC BÀI DỰ THI (10 ĐIỂM)

Hình thức trình bày đẹp, công phu, sinh động, có tranh ảnh tư liệu minh họa phong phú, có trích dẫn tài liệu tham khảo cụ thể, văn phong rõ ràng, mạch lạc, đúng thể thức, kỹ thuật, ít lỗi chính tả. Giám khảo cho điểm hình thức của bài dự thi dựa trên đánh giá hình thức trình bày của từng câu, mỗi câu tương ứng với 1 điểm hình thức và có 1 điểm hình thức cho toàn bài. x

TM. BAN TỔ CHỨC CUỘC THI
TRƯỞNG BAN



THỨ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP
Nguyễn Thúy Hiền



PHIẾU ĐIỂM
**CHẤM BÀI DỰ THI CUỘC THI VIẾT “TÌM HIỂU HIẾN PHÁP NƯỚC
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM 2013”**

I. ĐIỂM NỘI DUNG TRẢ LỜI 09 CÂU HỎI

Câu 1: 5 điểm

Ý cho điểm	Điểm chấm ý	
	Điểm tối đa	Điểm chấm
- Nêu được 5 bản Hiến pháp	2,5đ	
- Nêu được ngày, tháng, năm thông qua các bản Hiến pháp	2,5đ	
Tổng điểm nội dung câu 1:	5đ	

Câu 2: 10 điểm

Ý cho điểm	Điểm chấm ý	
	Điểm tối đa	Điểm chấm
- Nêu được ngày, tháng, năm có hiệu lực của Hiến pháp 2013	1đ	
- Nêu được số điều giữ nguyên, điều sửa đổi, bổ sung, điều mới	6đ	
- Nêu và giải thích lý do về điều sửa đổi, bổ sung tâm đắc nhất	3đ	
Tổng điểm nội dung câu 2:	10đ	

Câu 3: 12 điểm

Ý cho điểm	Điểm chấm ý	
	Điểm tối đa	Điểm chấm
- Nêu được hai cách thức Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước (dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện) tại Điều 6	1đ	
- Nêu và phân tích được các hình thức nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp	6đ	
- Nêu và phân tích được các hình thức nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ đại diện	5đ	
Tổng điểm nội dung câu 3:	12đ	

Câu 4: 10 điểm

Ý cho điểm	Điểm chấm ý	
	Điểm tối đa	Điểm chấm
- Nêu được nguồn gốc, nền tảng của tư tưởng đại đoàn kết dân tộc thể hiện trong Hiến pháp 2013	2,5đ	
- Nêu được tư tưởng về sự bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, không phân biệt đối xử giữa các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, giới	6đ	

x

Ý cho điểm	Điểm chấm ý	
	Điểm tối đa	Điểm chấm
tính, độ tuổi, tín ngưỡng, tôn giáo, người Việt Nam ở nước ngoài trong sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc cùng nhau xây dựng và bảo vệ tổ quốc.		
- Nêu được tư tưởng đại đoàn kết dân tộc thể hiện qua quy định về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận.	1,5đ	
Tổng điểm nội dung câu 4:	10đ	

Câu 5: 15 điểm

Ý cho điểm	Điểm chấm ý	
	Điểm tối đa	Điểm chấm
- Nêu được những điểm mới của Hiến pháp năm 2013 so với Hiến pháp 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001 về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, cụ thể là:	12đ	
+ Nêu được sự thay đổi trong tên gọi, vị trí của chương, số lượng điều khoản, cách thiết kế các điều khoản và nhận thức về quyền con người trong Hiến pháp năm 2013	3đ	
+ Nêu được trách nhiệm của Nhà nước, nhận thức, tư duy mới, các nguyên tắc về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân	1,5đ	
+ Nêu được một số quyền mới thể hiện rõ trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền công dân	3,5đ	
+ Nêu được các điều quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được sửa đổi, bổ sung	4đ	
- Nêu được điểm mới tâm đắc nhất và giải thích lí do tại sao	3đ	
Tổng điểm nội dung câu 5:	15đ	

Câu 6: 12 điểm

Ý cho điểm	Điểm chấm ý	
	Điểm tối đa	Điểm chấm
- Nêu được điểm mới, quan trọng về vị trí, chức năng của Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân	6đ	
- Phân tích điểm mới về mối quan hệ giữa Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân trong thực hiện quyền lực Nhà nước	6đ	
Tổng điểm nội dung câu 6:	12đ	

Câu 7: 5 điểm

Ý cho điểm	Điểm chấm ý	
	Điểm tối đa	Điểm chấm

Ý cho điểm	Điểm chấm ý	
	Điểm tối đa	Điểm chấm
- Chỉ rõ cấp chính quyền địa phương	1đ	
- Nêu được vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	1đ	
- Nêu được nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của chính quyền địa phương	3đ	
Tổng điểm nội dung câu 7:	5đ	

Câu 8: 5 điểm

Ý cho điểm	Điểm chấm ý	
	Điểm tối đa	Điểm chấm
- Nêu được trách nhiệm của đại biểu Quốc hội đối với cử tri và Nhân dân	3đ	
- Nêu được trách nhiệm của đại biểu Hội đồng nhân dân đối với cử tri và Nhân dân	2đ	
Tổng điểm nội dung câu 8:	5đ	

Câu 9: 16 điểm

Ý cho điểm	Điểm chấm ý	
	Điểm tối đa	Điểm chấm
- Nêu được trách nhiệm của Nhà nước	6đ	
- Nêu được trách nhiệm của mỗi người dân	6đ	
- Liên hệ với bản thân trong việc thi hành, bảo vệ Hiến pháp	4đ	
Tổng điểm nội dung câu 9:	16đ	

II. ĐIỂM HÌNH THỨC BÀI DỰ THI

	Điểm tối đa	Điểm chấm
ĐIỂM HÌNH THỨC BÀI DỰ THI	10đ	

III. TỔNG HỢP ĐIỂM BÀI DỰ THI

ĐIỂM TOÀN BÀI THI = TỔNG ĐIỂM 9 CÂU + ĐIỂM HÌNH THỨC BÀI DỰ THI

Lưu ý: Các câu hỏi phân tích liên quan đến cảm nghĩ riêng của thí sinh như ý hỏi thứ 4 và 5 của câu 2, ý hỏi thứ 2, 3 của câu 5 và câu 9 thì trường hợp không trả lời theo các ý trong đáp án, giám khảo tự cho điểm theo đánh giá của bản thân vào cột tổng điểm đối với các ý này

GIÁM KHẢO
(Ký, ghi rõ họ tên)

